

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS - ST

Ngày: 12/8/2019.

V/v tranh chấp kiện đòi nợ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Đình Thanh**, Ông **Lê Minh Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tráng** là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thùy Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLST- DS ngày 07 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp kiện đòi nợ theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST- DS ngày 01/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đình Xuân D**, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn T, xã TL, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Phan Văn H**, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm Y, xã T, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Chị Hồ Thị Q, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn T, xã TL, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

-Chị Lê Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm Y, xã T, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2019, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn anh **Đình Xuân D** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn chị **Hồ Thị Q** trình bày như sau: Trong thời gian từ ngày 26/12/2016 đến ngày 05/7/2017 vợ chồng anh **Phan Văn H** và chị **Lê Thị T** có mua nợ thức ăn chăn nuôi (cám cò) của vợ chồng anh, chị. Sau khi mua thì vợ chồng anh **Phan Văn H** ,chị **Lê Thị T** không chịu trả nợ, anh **D**, chị **Q** đã nhiều lần hỏi nợ nhưng anh **H** cứ khất nợ. Ngày 05/7/2017 thì giữa anh **Đình Xuân D** và anh **Phan**

Văn H đã thống nhất chốt nợ, theo đó vợ chồng anh Phan Văn H, chị Lê Thị T còn nợ vợ chồng anh Đinh Xuân D, chị Hồ Thị Q số tiền là 64.600.000 đồng và chuyển thành khoản tiền vay, hai bên thỏa thuận bên vay là anh H, chị T phải chịu lãi suất 1%/tháng đối với số tiền trên. Ngày 21/11/2017 thì anh Phan Văn H đến nhà anh D và ký biên bản xin khất nợ đến tháng 7/2018 thì trả hết cả gốc và lãi. Ngày 16/02/2018 anh H đã trả được cho anh D, chị Q 5.000.000 đồng tiền lãi. Hiện nay vợ chồng anh Phan Văn H và Lê Thị T còn nợ vợ chồng anh Đinh Xuân D, chị Hồ Thị Q số tiền gốc 64.600.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 20/5/2019 là 10.181.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 74.781.000 đồng (*Bảy mươi tư triệu, bảy trăm tám mươi ngàn*).

Nay anh Đinh Xuân D, chị Hồ Thị Q yêu cầu vợ chồng anh Phan Văn H và chị Lê Thị T trả lại số tiền trên, số tiền lãi phát sinh từ ngày 20/5/2019 trở về sau anh D, chị Q không yêu cầu anh H, chị T trả.

Ý kiến của bị đơn anh Phan Văn H: Tại bản tự khai đề ngày 04/7/2019 bị đơn anh Phan Văn H có ý kiến: Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến đầu năm 2018 vợ chồng anh là Phan Văn H và Lê Thị T có mua nợ thức ăn chăn nuôi (cám cò) của anh Đinh Xuân D, chị Hồ Thị Q; địa chỉ: thôn T, xã TL, huyện TC, tỉnh NA. Sau khi mau chưa có tiền trả nợ thì hai bên đã thống nhất chốt nợ thành khoản tiền vay, tính đến ngày 16/02/2018 thì vợ chồng anh là Phan Văn H và Lê Thị T còn nợ vợ chồng anh Đinh Xuân D, chị Hồ Thị Q số tiền gốc là tiền là 64.600.000 đồng và bên vay là anh H, chị T phải chịu lãi suất 1%/tháng đối với số tiền trên, anh H đã xin khất nợ anh D, chị Q đến tháng 7/2018 thì trả hết cả gốc và lãi. Do việc chăn nuôi, làm ăn của vợ chồng thua lỗ, kinh tế khó khăn nên vợ chồng chưa trả được nợ cho anh Đinh Xuân D, chị Hồ Thị Q. Tính đến ngày 04/7/2019 thì vợ chồng anh Phan Văn H, chị Lê Thị T đang nợ vợ chồng anh Đinh Xuân D, chị Hồ Thị Q số tiền gốc là tiền là 64.600.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 04/7/2019 là 11.150.000 đồng.

Nay anh D, chị Q yêu cầu vợ chồng trả lại số tiền trên, thì anh Phan Văn H đồng ý nhưng xin khất nợ với anh Đinh Xuân D.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Xuân D. Buộc vợ chồng anh Phan Văn H, chị Lê Thị T phải liên đới trả cho vợ cho vợ chồng anh Đinh Xuân D, chị Hồ Thị Q số tiền gốc là 64.600.000 đồng (*Sáu mươi tư triệu, sáu trăm ngàn*) và

tiền lãi tính đến ngày 20/5/2019 là 10.181.000đồng.Tổng cả gốc và lãi là 74.781.000đồng (*Bảy mươi tư triệu, bảy trăm tám mốt ngàn*).

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án thuộc tr[ư]ong hợp Tòa án không tiến hành hoà giải được vì bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn có tình vắng mặt được quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 31/7/2019 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng do bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa thì Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Trong khoản thời gian từ năm 2016 đến năm 2017 vợ chồng anh Phan Văn H và Lê Thị T có mua nợ thức ăn chăn nuôi (cám cò) của vợ chồng anh Đinh Xuân D, chị Hồ Thị Q. Ngày 05/7/2017 thì giữa anh Đinh Xuân D và anh Phan Văn H đã thống nhất chốt nợ, theo đó vợ chồng anh Phan Văn H, chị Lê Thị T còn nợ vợ chồng anh Đinh Xuân D, chị Hồ Thị Q số tiền là 64.600.000đồng và chuyển thành khoản tiền vay, hai bên thỏa thuận bên vay là anh H, chị T phải chịu lãi suất 1%/tháng đối với số tiền trên. Ngày 21/11/2017 thì anh Phan Văn H đến nhà anh D và ký biên bản xin khát nợ đến tháng 7/2018 thì trả hết cả gốc và lãi. Ngày 16/02/2018 anh H đã trả được cho anh D, chị Q 5.000.000đồng tiền lãi. Hiện tại vợ chồng anh Phan Văn H, chị Lê Thị T còn nợ vợ chồng anh Đinh Xuân D chị Hồ Thị Q số tiền gốc 64.600.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 20/5/2019 là 10.181.000đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn: Anh Đinh Xuân D chị Hồ Thị Q yêu cầu vợ chồng anh Phan Văn H, chị Lê Thị T trả số tiền gốc 64.600.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 20/5/2019 là 10.181.000đồng thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn anh Phan Văn H thừa nhận vợ chồng anh còn nợ vợ chồng anh D, chị Q số tiền trên. Lời khai của anh Đinh Xuân D, chị Hồ Thị Q là phù hợp với sổ ghi nợ, giấy chốt nợ, giấy xin khát nợ giữa các bên và đã được bị đơn thừa nhận vì vậy đây là tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn không phải chứng minh. Như vậy việc anh Đinh Xuân D, chị Hồ Thị Q yêu cầu anh Phan Văn H, chị Lê Thị T trả số nợ gốc là 64.600.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 20/5/2019 là 10.181.000đồng là có căn cứ, đúng với quy định tại các Điều 164, Điều 166, Điều 466, Điều 470, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 20/5/2019 trở về sau anh Đinh Xuân D, chị Hồ Thị Q không yêu cầu anh Phan Văn H, chị Lê Thị T trả, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Xét ý kiến của bị đơn anh Phan Văn H: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Phan Văn H thừa nhận vợ chồng anh còn nợ vợ chồng anh D, chị Q số tiền gốc là 64.600.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 04/7/2019 là 11.150.000đồng. Lời khai của anh Phan Văn H là phù hợp với sổ ghi nợ, giấy chốt nợ, giấy khất nợ giữa các bên, phù hợp với lời khai của nguyên đơn do đó phải buộc vợ chồng anh Phan Văn H và chị Lê Thị T trả cho anh Đinh Xuân D và chị Hồ Thị Q số nợ trên là có căn cứ, đúng với quy định tại các Điều 164, Điều 166, Điều 466, Điều 470, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Văn H thừa nhận số tiền lãi tính đến ngày 04/7/2019 mà vợ chồng anh phải trả cho anh D, chị Q là 11.150.000đồng,cao hơn số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính đến ngày 20/5/2019 là 10.181.000đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật,đạo đức xã hội nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận,vì vậy bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 166, Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Xuân D. Buộc vợ chồng anh Phan Văn H,chị Lê Thị T phải liên đới trả cho vợ cho vợ chồng anh Đinh Xuân D,chị Hồ Thị Q số tiền gốc là 64.600.000đồng (*Sáu mươi tư triệu,sáu trăm ngàn*)và tiền lãi tính đến ngày 20/5/2019 là 10.181.000đồng.

Tổng cả gốc và lãi là 74.781.000đồng (*Bảy mươi tư triệu,bảy trăm tám một ngàn*).

Chia cụ thể như sau:

-Anh Phan Văn H phải trả cho vợ cho vợ chồng anh Đinh Xuân D,chị Hồ Thị Q số tiền gốc 32.300.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 20/5/2019 là 5.090.500đồng. Tổng cộng: 37.390.500đồng (*Ba mươi bảy triệu,ba trăm chín mươi ngàn,năm trăm đồng*)

-Chị Lê Thị T phải trả cho vợ cho vợ chồng anh Đinh Xuân D, chị Hồ Thị Q số tiền gốc 32.300.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 20/5/2019 là 5.090.500đồng. Tổng cộng: 37.390.500đồng (*Ba mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi ngàn, năm trăm đồng*)

-Về án phí: Buộc anh Phan Văn H, chị Lê Thị T phải chịu 3.739.000 (*Ba triệu, bảy trăm ba chín ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chia cụ thể như sau: Anh Phan Văn H phải chịu 1.869.500(*Một triệu, tám trăm sáu chín ngàn, năm trăm đồng*) đồng án phí dân sự sơ thẩm; Chị Lê Thị T phải chịu 1.869.500 (*Một triệu, tám trăm sáu chín ngàn, năm trăm đồng*) đồng án phí dân sự sơ thẩm

Trả lại anh Đinh Xuân D số tiền tạm ứng phí đã nộp là 1.815.000 đồng (*Một triệu, tám trăm mười lăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0006553 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người yêu cầu thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Thanh Chương;
- Chi cục THA dân sự H. Thanh Chương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng

